

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN YÊN
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày 30-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Trung Hiếu;

2. Ông Vũ Mạnh Hùng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Công Thi- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2022/TLST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Tuyết S, sinh ngày 19 tháng 4 năm 1982, tại huyện V, tỉnh Yên Bái;

Nơi cư trú: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tuấn D và bà Nguyễn Hồng K (Nguyễn Thị K); Chồng: Nguyễn Hồng D; Con: Có 02 người con, người con lớn sinh năm 2006, người con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 29 tháng 9 năm 2021 đến ngày 02 tháng 10 năm 2021, được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo hiện đang tại ngoại tại Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Lưu Phương Th, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn N, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Chị Phạm Thị Khánh H, sinh năm 1993;

Trú tại: Thôn Y, xã YH, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Hồng D, sinh năm 1978;

Trú tại: Thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái; vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Những người tham gia tố tụng khác:*

- *Người chứng kiến:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1993; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 27/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái nhận được đơn phản ánh, đề nghị được bảo vệ sức khỏe, danh dự của chị Phạm Thị Khánh H. Tiến hành làm việc với chị H xác định nguyên nhân xảy ra vụ việc là do chị H có vay một khoản tiền của Nguyễn Thị Tuyết S, sinh năm 1982, trú tại thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái với lãi suất cao, do chưa trả được tiền nên chị H bị Nguyễn Thị Tuyết S đòi nợ và đánh tại thôn Đ, xã AT, huyện V, tỉnh Yên Bái ngày 15/9/2021.

Do thấy việc cho vay tính lãi suất cao thu được nhiều tiền hơn mức lãi suất quy định của Ngân hàng Nguyễn Thị Tuyết S đã hai lần thực hiện hành vi cho vay tiền cụ thể như sau:

Ngày 19/11/2020, Nguyễn Thị Tuyết S cho Lưu Phương Th vay số tiền 80.000.000đồng, thời hạn vay trong 01 tháng với lãi suất thỏa thuận là 3.000đồng/1.000.000đồng/01 ngày. Tiền lãi trả theo tháng là 7.200.000đồng. Sau khi làm hợp đồng, S dùng tài khoản số 8706215021817 mang tên Nguyễn Hồng D (là chồng của S) tại Ngân hàng Agribank Chi nhánh huyện V, Bắc Yên Bái chuyển đến số khoản của Th là 8706215005891 số tiền 73.000.000đồng, thu trước 7.000.000đồng tiền lãi. Sau thời hạn một tháng, do Th không có tiền để trả tiền gốc nên tiếp tục trả tiền lãi bằng chuyển khoản và trả trực tiếp bằng tiền mặt với số tiền lãi là 28.600.000đồng. Tổng số tiền lãi Th đã trả cho S trong 05 tháng là 35.600.000đồng, số tiền gốc 80.000.000đồng chị Th chưa trả S.

Lãi suất cho vay của khoản vay trên là 09%/ 01 tháng bằng 108%/ 01 năm, gấp 5,4 lần so với mức lãi suất quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này là 6.680.000đồng. S đã thu lợi bất chính không đúng theo quy định của pháp luật là 28.920.000đồng.

Ngày 20/4/2021, Nguyễn Thị Tuyết S làm hợp đồng cho chị Phạm Thị Khánh H vay số tiền 80.000.000đồng, thời hạn vay trong vòng 365 ngày với lãi suất thỏa thuận là 3.000đồng/1.000.000đồng/01ngày. Tiền lãi trả theo tháng là 7.200.000đồng, chị H đưa cho S một sổ bảo hiểm xã hội mang tên Phạm Thị Khánh H. Sau khi làm hợp đồng S thu trước tiền lãi của 45 ngày là 10.800.000đồng và đưa cho chị H số tiền 69.200.000đồng. Tính đến thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện (ngày 28/9/2021) là 05 tháng 08 ngày H đã chuyển khoản trả lãi cho S 02 lần, cụ thể ngày 04/6/2021 chuyển khoản 3.200.000 đồng; ngày 29/6/2021 chuyển khoản cho S 5.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi H đã trả cho S là 19.000.000đồng, chị H chưa trả số tiền gốc 80.000.000đồng cho S.

Lãi suất cho vay của khoản vay trên là 09%/ 01 tháng bằng 108%/ 01 năm, gấp 5,4 lần so với mức lãi suất quy định tại khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự là 20%/năm. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này là 7.036.264 đồng. Số tiền S thu lời bất chính tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện, ngăn chặn là 30.883.736 đồng.

* Như vậy, tổng số tiền Nguyễn Thị Tuyết S cho Lưu Phương Th và Phạm Thị Khánh H vay là 160.000.000 đồng; số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự là 59.803.736 đồng, số tiền lãi thực tế bị cáo S đã thu được của Th và H là 54.600.000 đồng.

* Về các vấn đề khác của vụ án:

Đối với sự việc ngày 15/9/2021 chị Phạm Thị Khánh H bị Nguyễn Thị Tuyết S chặn đánh: Do bản thân không bị thương tích nên chị H không có yêu cầu đề nghị gì. Xét thấy hành vi “Đánh nhau” của S đã vi phạm vào điểm a, khoản 2, Điều 5, Nghị định 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình nên Công an huyện V, tỉnh Yên Bái đã ra quyết định số 21, ngày 18/10/2021 xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị Tuyết S.

Đối với Nguyễn Hồng D là chồng của Nguyễn Thị Tuyết S và là chủ sở hữu của số tài khoản 8706215021817 tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện V, Bắc Yên Bái, quá trình điều tra xác định: Năm 2016, Nguyễn Hồng D lập số tài khoản nêu trên để nhận tiền lương và phụ cấp hàng tháng, sau đó giao tài khoản ngân hàng này cho Nguyễn Thị Tuyết S sử dụng để chi tiêu phục vụ sinh hoạt gia đình. Việc Nguyễn Thị Tuyết S sử dụng tài khoản ngân hàng này để giao dịch cho vay và nhận tiền lãi Nguyễn Hồng D không biết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Hồng D trong vụ án.

Về vật chứng của vụ án: 02 hợp đồng cầm cố, thế chấp tài sản được đưa vào hồ sơ vụ án; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax và 01 sổ bảo hiểm xã hội mang tên Phạm Thị Khánh H được chuyển đến Cơ quan Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 12/CT-VKS-VY ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái truy tố: Nguyễn Thị Tuyết S về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S khai báo thành khẩn, không tranh luận, bào chữa gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 35, điểm i, điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S từ 50.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Về vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Truy thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền lãi 20% của 02 khoản cho vay là: 9.752.800 đồng.

+ Bị cáo có nghĩa vụ trả lại cho người vay tiền là chị Lưu Phương Th số tiền 28.920.000đồng và trả lại chị Phạm Thị Khánh H số tiền 15.927.200 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng.

+ Buộc chị Lưu Phương Th phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 80.000.000 đồng là khoản tiền chị Th vay chưa trả bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S.

+ Buộc chị Phạm Thị Khánh H phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 80.000.000 đồng là khoản tiền chị H vay chưa trả bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S.

+ Trả lại cho chị Phạm Thị Khánh H 01 sổ Bảo hiểm xã hội.

+ Tịch thu 01 điện thoại Iphone 12 Promax bị cáo dùng để liên lạc thực hiện hành vi phạm tội.

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Yên Bái, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt những người này không gây cản trở cho việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với bản tự khai và lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án và xem xét tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở xác định: Tại nơi cư trú thuộc thôn T, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái từ tháng 11 năm 2020 đến ngày 20/4/2021, Nguyễn Thị Tuyết S đã cho Lưu Phương Th và Phạm Thị Khánh H vay tiền với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì số tiền “thu lợi bất chính là số tiền lãi vượt quá mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự và các khoản thu trái pháp luật khác của người vay”. Trong vụ án này Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu trách nhiệm hình sự các lần đã cho vay cụ thể như sau:

Ngày 19/11/2020, Nguyễn Thị Tuyết S làm hợp đồng cho Lưu Phương Th vay số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn vay trong 01 tháng, lãi suất cho vay thỏa

thuận 3.000đồng/1.000.000đồng/01ngày (7.200.000 đồng/01 tháng) tương đương lãi suất 09%/01 tháng bằng 108%/01 năm. Sau thời hạn 01 tháng do Th không có tiền để trả nên tiếp tục trả lãi cho bị cáo S, tính đến tháng 4/2021 Th đã trả lãi cho S 05 tháng là 35.600.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật đối với khoản vay này thời gian 05 tháng là: $80.000.000 \text{ đồng} \times 1,67 \% (20\%/01 \text{ năm}) = 1.336.000 \text{ đồng/tháng} \times 05 \text{ tháng} = 6.680.000 \text{ đồng}$. S đã thu lợi bất chính không đúng quy định của pháp luật đối với khoản tiền cho Th vay là: $35.600.000 \text{ đồng} - 6.680.000 \text{ đồng} = 28.920.000 \text{ đồng}$.

Ngày 20/4/2021, Nguyễn Thị Tuyết S làm hợp đồng cho chị Phạm Thị Khánh H vay số tiền 80.000.000đồng trong 365 ngày, với lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (7.200.000 đồng/01 tháng) tương đương lãi suất 9%/01 tháng bằng 108%/01 năm. Tính đến thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện ngày 28/9/2021, là 05 tháng 08 ngày, H đã trả lãi cho S tổng số tiền 19.000.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật tính đến thời điểm hành vi phạm tội bị phát hiện (ngày 28/9/2021) là 05 tháng 08 ngày là: $80.000.000 \text{ đồng} \times 1,67 \% (20\%/01 \text{ năm}) = 1.336.000 \text{ đồng/tháng} \times 05 \text{ tháng} 08 \text{ ngày} = 7.036.264 \text{ đồng}$. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 01/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì số tiền thu lợi bất chính được tính đến thời điểm cơ quan có thẩm quyền phát hiện và ngăn chặn nên khoản tiền thu lợi bất chính S phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền cho H vay là: $80.000.000 \text{ đồng} \times 9\% = 7.200.000 \text{ đồng/01 tháng} \times 05 \text{ tháng} 08 \text{ ngày} = 37.920.000 \text{ đồng} - 7.036.264 \text{ đồng} = 30.883.736 \text{ đồng}$.

Cả hai khoản cho vay này lãi suất đều gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Như vậy, số tiền thu lợi bất chính bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu trách nhiệm hình sự trong vụ án này là 59.803.736 đồng. Số tiền lãi thực tế bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S đã thu được của Th và H là 54.600.000 đồng. Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức rõ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng vì háms lợi nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, đã xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật mới có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s, điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[8] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy, cần phải có mức hình phạt tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cần phải áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về các vấn đề khác:

Đối với sự việc chị Phạm Thị Khánh H bị Nguyễn Thị Tuyết S đánh: Do ngày 15/9/2021 chị H có hẹn với Nguyễn Thị Tuyết S đến nhà để trả một phần tiền gốc nhưng chị H không trả tiền như đã hẹn, bức tức về việc phải đi lại mất thời gian nên trong quá trình nói chuyện S có dùng tay tát vào mặt chị H. Hành vi “Đánh nhau” này của Nguyễn Thị Tuyết S đã vi phạm vào điểm a, khoản 2, Điều 5, Nghị định 167/2013/NĐ-CP, ngày 12/11/2013 của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình nên Công an huyện V, tỉnh Yên Bái đã ra quyết định số 21, ngày 18/10/2021 xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Thị Tuyết S là phù hợp.

Đối với sự việc ngày 15/9/2021 chị Phạm Thị Khánh H bị Nguyễn Thị Tuyết S đánh: Do bản thân không bị thương tích nên chị H không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với Nguyễn Hồng D là chồng của Nguyễn Thị Tuyết S và là chủ sở hữu của số tài khoản 8706215021817 tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Chi nhánh huyện V, Bắc Yên Bái, quá trình điều tra xác định: Năm 2016, Nguyễn Hồng D lập số tài khoản nêu trên để nhận tiền lương và phụ cấp hàng tháng, sau đó giao tài khoản ngân hàng này cho Nguyễn Thị Tuyết S sử dụng để chi tiêu phục vụ sinh hoạt gia đình. Việc Nguyễn Thị Tuyết S sử dụng tài khoản ngân hàng này để giao dịch cho vay và nhận tiền lãi Nguyễn Hồng D không biết nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Hồng D trong vụ án là phù hợp.

[11] Về vật chứng của vụ án và các biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

+ 01 sổ Bảo hiểm xã hội mang tên Phạm Thị Khánh H thuộc quyền quản lý hợp pháp của chị H cần trả lại cho chị Phạm Thị Khánh H.

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám đã qua sử dụng bị cáo S dùng vào liên lạc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền lãi cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự (20%) bị cáo S đã thu của chị Lưu Phương Th tính đến tháng 4 năm 2021 (05 tháng) là 6.680.000 đồng và chị Phạm Thị Khánh H tính đến ngày 29/6/2021 (02 tháng 09 ngày) là 3.072.800 đồng, tổng cộng là: 9.752.800 đồng, là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần truy thu của bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S, nộp ngân sách Nhà nước.

+ Đối với khoản tiền thu lợi bất chính từ hành vi cho vay lãi nặng mà bị cáo đã thu, bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S có nghĩa vụ trả lại cho người vay tiền là chị Lưu Phương Th số tiền 28.920.000 đồng và trả lại chị Phạm Thị Khánh H số tiền 15.927.200 đồng.

+ Buộc chị Lưu Phương Th phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 80.000.000 đồng là khoản tiền chị Th vay chưa trả bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S.

+ Buộc chị Phạm Thị Khánh H phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 80.000.000 đồng là khoản tiền chị H vay chưa trả bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S.

[12] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Những nội dung đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Yên Bái, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[14] Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 201, Điều 35, điểm i, điểm s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị Tuyết S 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về vật chứng của vụ án và các biện pháp tư pháp:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Trả lại cho chị Phạm Thị Khánh H 01 sổ Bảo hiểm xã hội mang tên Phạm Thị Khánh H.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax, màu xám đã qua sử dụng (thu giữ của Nguyễn Thị Tuyết S).

(Vật chứng có đặc điểm theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 11 ngày 22 tháng 12 năm 2021, giữa Công an huyện V, tỉnh Yên Bái và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Yên Bái).

+ Truy thu nộp ngân sách Nhà nước đối với số tiền lãi cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (20%) của 02 khoản bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S cho vay là: 9.752.800 đồng (Chín triệu bảy trăm năm mươi hai nghìn tám trăm đồng).

+ Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S có nghĩa vụ trả lại cho người vay tiền là chị Lưu Phương Th số tiền 28.920.000 đồng (Hai mươi tám triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) và trả lại chị Phạm Thị Khánh H số tiền 15.927.200 đồng (Mười lăm triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều

357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

+ Buộc chị Lưu Phương Th phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng) là khoản tiền chị Th vay chưa trả bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S.

+ Buộc chị Phạm Thị Khánh H phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 80.000.000đồng (Tám mươi triệu đồng) là khoản tiền chị H vay chưa trả bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Tuyết S phải chịu là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.242.360 đ (Hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án (phần có liên quan) trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện V, tỉnh Yên Bái;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện V;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- Chi Cục THA Dân sự huyện V;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (3);
- Thi hành án hình sự; Lưu: HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương